TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ GÒ CÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:**71**/2021/QĐST-DS	*Gò Công, ngày 15 tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 252/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị N**, sinh năm 1958

Địa chỉ: Số NM/M khu phố B, phường B, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Hồng H**, sinh năm 1954

Địa chỉ: Số BB/BN khu phố B, phường B, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị M, sinh năm 1959

2. Anh Nguyễn Hồng Minh T, sinh năm 1983

3. Anh Nguyễn Hồng Minh Tr1, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: Số BB/BN khu phố B, phường B, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

4. Ông Lê Quang V, sinh năm 1945

Địa chỉ: Số NM/M khu phố B, phường B, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

5. Ông Lê Văn M, sinh năm 1966

6. Chị Trần Trúc Ph, sinh năm 1970

7. Chị Lê Thị Cẩm L, sinh năm 1991

8. Anh Trần Phú Q, sinh năm 1996

9. Anh Lê Văn S, sinh năm 2005

Đại diện theo pháp luật của Sang: chị Trần Trúc Ph, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: Số BB/NN khu phố B, phường B, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Hồng H và bà Lê Thị M có nghĩa vụ chuyển nhượng cho bà Lê Thị N phần đất diện tích theo đo đạc thực tế là 40,4m^2, trong đó:

+ Phần đất cắt thửa 65, diện tích 3,4m^2 đất NTS, tờ bản đồ số 15, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01895V-P4 ngày 15/8/2006 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp cho ông Nguyễn Hồng H và bà Lê Thị M.

+ Phần đất cắt thửa 76, diện tích 37m^2 đất CLN, tờ bản đồ số 15, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H01896V-P4 ngày 15/8/2006 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp cho ông Nguyễn Hồng H và bà Lê Thị M.

Địa chỉ đất tại khu phố B, phường B, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

Bà Lê Thị N có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 40,4m^2 đất nêu trên cho phù hợp diện tích thực tế quản lý, sử dụng.

Ông Nguyễn Hồng H và bà Lê Thị M có nghĩa vụ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01895V-P4 ngày 15/8/2006 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp cho ông Nguyễn Hồng H và bà Lê Thị M và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H01896V-P4 ngày 15/8/2006 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp cho ông Nguyễn Hồng H và bà Lê Thị M cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị N theo quy định.

* Phần đất có vị trí tứ cận như sau:

+ Phần đất cắt thửa 65:

- Đông giáp hẻm.
- Tây giáp đất Nguyễn Hồng H
- Nam giáp đất Nguyễn Hồng H
- Bắc giáp đất Nguyễn Hồng H

+ Phần đất cắt thửa 76:

- Đông giáp đất Nguyễn Hồng H
- Tây giáp đất Nguyễn Hồng H
- Nam giáp đất Nguyễn Hồng H
- Bắc giáp đất Nguyễn Hồng H

(*Vị trí, kích thước khu đất có sơ đồ đo đạc kèm theo*)

3. Về án phí:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị N do bà là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Hồng H và bà Lê Thị M do ông, bà là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TXGC;
- CCTHADS TXGC;
- Lưu: AV, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Bích Liễu